

PHÁT TRIỂN KINH TẾ DI SẢN Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI*

TS NGUYỄN HUY PHÒNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 17/12/2025; Ngày phản biện: 18/12/2025; Ngày duyệt đăng: 16/3/2026.

● **Tóm tắt:** Kinh tế di sản là một loại hình kinh tế đặc thù, có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của quốc gia, dân tộc. Việt Nam có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế di sản, tuy nhiên việc khai thác, phát huy nguồn vốn di sản phục vụ phát triển kinh tế còn chưa tương xứng. Bài viết làm rõ vai trò, tiềm năng, lợi thế của kinh tế di sản ở Việt Nam; đồng thời, đề xuất một số giải pháp để phát huy mạnh mẽ loại hình kinh tế này, thúc đẩy quá trình phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

● **Từ khóa:** Kinh tế di sản; Phát triển bền vững; Văn hóa; Việt Nam.



1. Vai trò của kinh tế di sản

Trong bối cảnh nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa di sản văn hóa với quá trình phát triển bền vững ngày càng được củng cố, khái niệm “Kinh tế di sản” (Heritage Economics) lần đầu được đưa ra vào năm 2010 (Quang Minh, Nguyễn Phương & Hoàng Phương, 2025). Năm 2012, Ngân hàng Thế giới (WB) xuất bản cuốn sách *Kinh tế của sự độc đáo: Đầu tư vào các khu lõi đô thị lịch sử và di sản văn hóa cho phát triển bền vững* (The Economics of Uniqueness: Investing in Historic City Cores and Cultural Heritage Assets for Sustainable Development), tập hợp các nghiên cứu từ nhiều học giả hàng đầu trên thế giới, trong đó

có học giả người Australia David Throsby - người đã phát triển lý thuyết về “Kinh tế di sản”, mở ra cơ hội cho các quốc gia trong việc khai thác, phát huy nguồn vốn văn hóa, trong đó có di sản văn hóa.

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về kinh tế di sản, trong đó phổ biến là các cách tiếp cận sau: “Kinh tế di sản là loại hình kinh tế khai thác có chọn lọc, phát huy hiệu quả giá trị các tài nguyên và nguồn lực đặc hữu từ hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước thông qua các dịch vụ phù hợp nhất có thể để tạo ra các hàng hóa văn hóa - sinh thái đặc trưng; đưa vào phục vụ xã hội nhằm đáp ứng những nhu cầu và lợi ích hợp pháp đồng thời định hướng và điều tiết nhu cầu của các cá nhân và tập thể trong những không gian và thời gian xác định; góp phần vào sự phát triển bền vững đất nước” (Dương Văn Sáu, 2023, 39); “Kinh tế di sản là lĩnh vực kinh tế đặc thù,

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.05.13/21-30 “Hoàn thiện thể chế về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực văn hóa nhằm góp phần tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới”, do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, TS Nguyễn Huy Phòng chủ nhiệm

sử dụng các giá trị của di sản như một nguồn lực để phát triển - vừa tạo ra lợi ích kinh tế, vừa bảo tồn và lan tỏa các giá trị đó một cách bền vững” (Nguyễn Xuân Thắng, 2025); “Kinh tế di sản là khái niệm kết hợp giữa kinh tế học và việc quản lý, khai thác di sản để tạo ra giá trị kinh tế. Đây là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành, trong đó các di sản không chỉ được coi là tài sản cần bảo tồn mà còn là nguồn tài nguyên kinh tế có thể khai thác thông qua du lịch, dịch vụ và các hoạt động kinh tế khác” (Nguyễn Hồng Diên, 2024).

Như vậy, kinh tế di sản không chỉ là sự kết hợp cơ học, thuần túy của lĩnh vực kinh tế và di sản mà nó là một loại hình kinh tế đặc thù, dựa trên khai thác nguồn vốn di sản văn hóa, tạo ra những giá trị mới, nhất là giá trị lợi nhuận, kinh tế, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, thúc đẩy quá trình phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Ở Việt Nam, cùng với quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc khai thác, phát huy lợi ích kinh tế qua nguồn tài nguyên văn hóa luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chú trọng. Từ vai trò là “nền tảng tinh thần”, văn hóa đã trở thành động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; là nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm quyết định quá trình phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (năm 1998) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã đề ra chính sách kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (năm 2014) đã chủ trương phát triển ngành công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Gần đây, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng lần đầu tiên đã đề cập đến vấn đề phát triển kinh tế di sản: “Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa gắn với

phát triển kinh tế di sản” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, 27). Như vậy, phát triển kinh tế di sản là một chủ trương mới, phản ánh quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng về vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng.

Mục đích của phát triển kinh tế di sản nhằm đánh thức tiềm năng, lợi thế của nguồn lực di sản trong quá trình phát triển bền vững. Thực tiễn phát triển của nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới cho thấy, việc khai thác, phát huy nguồn lực di sản thông qua hoạt động du lịch, dịch vụ đã mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách quốc gia, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập. Kinh tế di sản được xác định là ngành kinh tế xanh, ngành công nghiệp không khói nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng cao của du khách. Trong đó, di sản văn hóa trở thành nguồn lực quan trọng, có sức hấp dẫn đặc biệt, thu hút du khách tham quan, khám phá và trải nghiệm.

Phát triển kinh tế di sản với tầm nhìn và hướng đi phù hợp, hiệu quả sẽ tạo ra những giá trị mới, từ đó chủ thể sáng tạo ra di sản sẽ ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của cộng đồng trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Di sản văn hóa chỉ thực sự phát huy vẻ đẹp và những giá trị độc đáo, riêng biệt khi được “sống”, “đồng hành” cùng cuộc sống con người. Thông qua hoạt động tham quan, trải nghiệm, thực hành và khám phá, cộng đồng sẽ thêm trân trọng giá trị của quá khứ, không ngừng sáng tạo, trao truyền và có những biện pháp tốt nhất để bảo tồn, gìn giữ tài sản vô giá mà các thế hệ đi trước để lại.

Phát triển kinh tế di sản không chỉ góp phần phát triển kinh tế bền vững, mà còn tạo điều kiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh di sản đang chịu nhiều tác động bất lợi từ quá trình biến đổi khí hậu, đô thị hóa, công nghiệp hóa, cũng như sự chuyển đổi về giá trị, thị hiếu thẩm mỹ của công chúng đương thời.

2. Tiềm năng, lợi thế và những thách thức trong phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay

Tiềm năng, lợi thế

Một là, truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời.

Việt Nam tự hào là đất nước có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt đã sáng tạo nên nền văn hóa phong phú, độc đáo, giàu bản sắc, thể hiện và phản ánh sinh động qua văn hóa lao động sản xuất, văn hóa cư trú, sinh hoạt, đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo, cũng như sắc màu văn hóa đa dạng của 54 dân tộc anh em. Truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời với những khúc tráng ca về cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập, tự do; những nét đặc sắc của văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cùng cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp đã tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

Hai là, nguồn di sản văn hóa phong phú, đa dạng, độc đáo.

Trải qua quá trình đấu tranh sinh tồn, tương tác với tự nhiên, xã hội, các thế hệ người Việt đã sáng tạo nên một kho tàng di sản văn hóa phong phú, đồ sộ, độc đáo. Mỗi di sản còn hiện diện đến ngày nay đều là sự kết tinh của lịch sử, phản ánh quá trình hình thành, phát triển của dân tộc, thể hiện những dấu ấn đặc trưng của từng giai đoạn, từng thời kỳ lịch sử. Mặc dù chịu tác động của thiên tai, lũ lụt, biến đổi khí hậu và chiến tranh khiến nhiều di sản bị mai một, thất truyền, song với ý thức sâu sắc về truyền thống lịch sử và sự trân trọng quá khứ, các thế hệ người Việt đã nỗ lực bảo tồn, gìn giữ và phát huy tốt những báu vật của cha ông. Hiện nay, trữ lượng di sản văn hóa ở Việt Nam khá đồ sộ, thể hiện qua nhiều loại hình di sản như di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu, và được phân

bổ rộng khắp trên khắp cả nước, từ nông thôn đến thành thị, từ đất liền đến hải đảo.

Theo thống kê, “cả nước hiện có hơn 10.000 di tích đã được xếp hạng, trong đó có trên 3.600 di tích quốc gia và khoảng 130 di tích quốc gia đặc biệt, trải rộng khắp các vùng miền. Song song với đó, hệ thống di sản văn hóa phi vật thể cũng được xác lập một cách bài bản; đến nay đã có hơn 7.000 di sản phi vật thể được kiểm kê và trên 500 di sản được đưa vào Danh mục Di sản Văn hóa Phi vật thể quốc gia./ Trên phạm vi quốc tế, Việt Nam đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh 9 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 16 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 11 di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức Thế giới” (Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2025).

Bên cạnh hệ thống di tích và di sản, “mạng lưới bảo tàng cả nước với gần 200 bảo tàng công lập và ngoài công lập, lưu giữ hơn 4 triệu hiện vật, đã trở thành thiết chế quan trọng trong việc bảo tồn và giáo dục di sản. Đây là nguồn tư liệu quý giá phục vụ nghiên cứu lịch sử - văn hóa, đồng thời là “ngân hàng dữ liệu” cho các hoạt động sáng tạo đương đại” (Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2025).

Những con số trên cho thấy, sự phong phú, đồ sộ của di sản văn hóa với những giá trị vượt trội mang tính đại diện của nhân loại. Đây là nguồn lực quan trọng để Việt Nam khai thác, phát huy trong bối cảnh mới.

Ba là, thể chế và cơ chế, chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng được hoàn thiện.

Trong các lĩnh vực văn hóa, di sản là một trong những lĩnh vực sớm được Quốc hội xây dựng và ban hành luật. Năm 2001, Luật Di sản văn hóa ra đời và tiếp tục được điều chỉnh, bổ sung vào năm 2009. Ngày 23/11/2024, Quốc hội đã ban hành Luật Di sản văn hóa

(Luật số 45/2024/QH15) có hiệu lực từ ngày 1/7/2025 với nhiều điều khoản quy định theo hướng phân cấp, phân quyền mạnh cho các địa phương; định vị giá trị của nhiều loại hình di sản; đề cao vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp trong khai thác, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Nhằm khai thác, phát huy nguồn tài nguyên di sản gắn với phát triển kinh tế, bên cạnh các nghị quyết chuyên đề về văn hóa, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân với nhiều chủ trương, quyết sách mới, huy động các nguồn lực cùng tham gia phát triển kinh tế thông qua khai thác, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống và sức sáng tạo của con người Việt Nam.

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ đã xây dựng và ban hành nhiều đề án, chương trình, chiến lược quan trọng, đồng thời tăng cường nguồn lực đầu tư, lập bản đồ quy hoạch, định vị không gian phát triển gắn với nguồn lực mang tính then chốt là di sản văn hóa. Cụ thể: Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (kèm theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016); Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam (kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020); Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (kèm theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021); Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025). Đặc biệt, ngày 27/11/2024, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 162/2024/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

Trên phương diện quốc tế, Việt Nam là một trong những nước có đóng góp tích cực trong công tác bảo tồn di sản văn hóa thế giới. Việt Nam đã hai lần đảm nhiệm vai trò thành viên Ủy ban Di sản thế giới; chủ trì nhiều sự kiện quốc tế quan trọng trong lĩnh vực di sản như: Hội nghị quốc tế về bảo tồn và phát triển di sản đô thị (năm 2017), Hội thảo quốc tế “Di sản thế giới và phát triển bền vững trong bối cảnh mới” (năm 2018), Kỷ niệm 50 năm Công ước Di sản thế giới (năm 2022), Hội nghị quốc tế về phát huy danh hiệu UNESCO phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam (năm 2023), Hội nghị thế giới về Chính sách văn hóa và phát triển bền vững (MONDIACULT 2025)...

Đối với hoạt động tôn vinh và chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, người có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, qua hai đợt xét phong tặng danh hiệu năm 2015 và năm 2019 theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, “đã có 1.253 cá nhân được phong tặng, trong đó có 66 Nghệ nhân nhân dân và 1.187 Nghệ nhân ưu tú. Về phía Hội đồng thuộc lĩnh vực nghệ thủ công mỹ nghệ truyền thống cũng đã có 17 Nghệ nhân nhân dân, 120 Nghệ nhân ưu tú được phong tặng” (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2022, 14).

Tại các địa phương, căn cứ tình hình thực tiễn, các cấp ủy đảng và chính quyền cũng đã xây dựng, ban hành nhiều đề án, chương trình về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, các loại hình di sản văn hóa đặc sắc của các tộc người gắn với phát triển du lịch bền vững, mở ra những hướng đi mới trong việc chuyển đổi mô hình, phương thức sản xuất từ nông nghiệp chuyển sang công nghiệp, dịch vụ, phát triển du lịch cộng đồng,

du lịch sinh thái, trải nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời quảng bá vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam đến với du khách.

Bốn là, hoạt động phát triển du lịch gắn với khai thác giá trị di sản văn hóa đạt được nhiều thành tựu.

Việt Nam sở hữu nhiều danh lam thắng cảnh đẹp, cảnh quan thiên nhiên đa dạng, cùng truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời và sắc màu văn hóa đa dạng của các cộng đồng, tộc người. Đây là nền tảng để hình thành và phát triển các loại hình du lịch, như: Du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, du lịch tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo... Với nhiều chủ trương, chính sách thông thoáng về phát triển du lịch, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, kết nối giao thông, miễn thị thực, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá. Những năm qua, hoạt động phát triển du lịch thông qua khai thác tài nguyên di sản văn hóa đã đạt được nhiều thành tựu, với lượng du khách trong nước và quốc tế không ngừng gia tăng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo báo cáo của Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, chỉ tính riêng 11 tháng đầu năm 2025, “Việt Nam đã đón 19,15 triệu lượt khách quốc tế, lần đầu tiên vượt mốc 18 triệu lượt của năm 2019. Theo báo cáo của Tổ chức Du lịch Liên hợp quốc (UN Tourism), trong bối cảnh ngành du lịch khu vực châu Á - Thái Bình Dương phục hồi khoảng 90% so với giai đoạn trước dịch COVID-19, Việt Nam đang nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ phục hồi cao nhất thế giới, cùng với Nhật Bản” (Ngọc Bích, 2025).

Tính riêng tháng 11/2025, Việt Nam đón gần 2 triệu lượt khách quốc tế, tăng 14,2% so với tháng 10/2025 và tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2024. Theo Cục Thống kê (Bộ Tài

chính), doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống trong 11 tháng năm 2025 ước đạt 767.000 tỷ đồng, chiếm 12,0% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2024. Một số địa phương ghi nhận mức tăng trưởng lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 17,3%; Đà Nẵng tăng 15,8%; Hà Nội tăng 13,4%; Cần Thơ tăng 12,2% và Hải Phòng tăng 11,6% (Ngọc Bích, 2025).

Từ đầu năm 2025, nhiều địa phương đã chủ động triển khai các chương trình kích cầu du lịch và đa dạng hóa sản phẩm. Kết quả là, doanh thu du lịch lữ hành trong 11 tháng “ước đạt 85.400 tỷ đồng, chiếm 1,4% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Hà Nội tăng 23,4%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 22,3%; Quảng Ninh tăng 18,2%; Vĩnh Long tăng 14,1%; và Đà Nẵng tăng 13,2%” (Ngọc Bích, 2025).

Những con số trên cho thấy, vai trò đặc biệt quan trọng của ngành du lịch gắn với khai thác tài nguyên văn hóa, tài nguyên di sản, tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong bối cảnh mới.

Những khó khăn, thách thức

Mặc dù có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế di sản nhưng trên thực tế, việc phát triển lĩnh vực này đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể như:

Một là, nhận thức về kinh tế di sản chưa đầy đủ và toàn diện. Kinh tế di sản vẫn là một thuật ngữ và ngành kinh tế mới, còn nhiều xa lạ, ngỡ ngàng với nhiều cá nhân, tổ chức. Trong nhận thức của cộng đồng và xã hội, di sản là tài sản tinh thần nên khó có thể định lượng và khai thác để phục vụ phát triển kinh tế. Vì thế, việc kêu gọi đầu tư từ các tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước đối với loại hình kinh tế này còn có những rào cản nhất định. Nhiều doanh nghiệp còn ngần ngại, băn khoăn khi quyết định đầu tư vào các dự án,

công trình văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng, nhất là đối với các loại hình di sản văn hóa truyền thống bởi khả năng sinh lời thấp, nguồn thu thiếu ổn định.

Hai là, cơ chế, chính sách cho phát triển kinh tế di sản còn thiếu. Hiện nay, kinh tế di sản chưa có hệ thống cơ chế, chính sách cụ thể và chuyên biệt để thúc đẩy phát triển. Việc khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa chủ yếu mới được lồng ghép trong các chiến lược về phát triển du lịch, phát triển kinh tế ban đêm, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, mà chưa được xác định là một ngành kinh tế độc lập với khung cơ chế, chính sách đặc thù. Bên cạnh đó, kinh tế di sản vẫn chưa được định vị rõ ràng, chưa có các tiêu chí và công cụ đo lường đầy đủ về tác động và mức độ đóng góp của lĩnh vực này trong tổng thể nền kinh tế quốc gia.

Ba là, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản còn gặp nhiều khó khăn. Mặc dù trong thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền và cộng đồng địa phương đã triển khai nhiều biện pháp để bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản, song thực tiễn cho thấy, di sản vẫn đang chịu tác động tiêu cực từ nhiều yếu tố, chẳng hạn như: Diễn biến bất lợi của tình hình thời tiết, biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt; quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, sự gia tăng dân số; tình trạng thương mại hóa di sản; bảo tồn di sản không tuân thủ theo những nguyên tắc, quy định; nguồn ngân sách dành cho trùng tu, tôn tạo di sản còn khiêm tốn; tình trạng mua bán, “chảy máu” di sản vẫn còn diễn ra... Các yếu tố này đang đặt nhiều di sản trước nguy cơ xuống cấp, mai một và thất truyền.

Bên cạnh đó, hoạt động phát triển du lịch gắn với khai thác giá trị di sản hiện nay chủ yếu tập trung ở các đô thị, thành phố lớn và các địa phương sở hữu di sản văn hóa thế giới. Trong khi đó, tại các vùng nông thôn, biên

giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc bảo tồn và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa tộc người còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại do hạn chế về nhận thức, trình độ, kỹ năng, cũng như những bất cập về hạ tầng giao thông, nguồn lực đầu tư. Thực trạng này khiến không ít di sản văn hóa quý ở các vùng khó khăn đứng trước nguy cơ mai một, thậm chí biến mất.

Bốn là, tình trạng thương mại hóa di sản. Phát triển kinh tế di sản phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc bảo tồn và phát triển, kế thừa và phát huy nhằm làm cho di sản lan tỏa các giá trị chân, thiện, mỹ trong đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, một số cá nhân, doanh nghiệp vì đề cao lợi nhuận và giá trị kinh tế đã phớt lờ những cảnh báo về nguyên tắc bảo tồn và phát huy di sản, dẫn đến tình trạng khai thác triệt để giá trị kinh tế, làm cho di sản bị méo mó, biến tướng. Đáng chú ý, ở một số trường hợp, hoạt động đầu tư và kinh doanh đã xâm phạm không gian, cảnh quan và vùng bảo vệ di sản khi xây dựng các công trình dịch vụ, lưu trú ngay trong khu vực di sản hoặc vùng phụ cận, làm suy giảm giá trị thẩm mỹ, tính nguyên bản của di sản và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

3. Giải pháp phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam trong bối cảnh mới

Phát triển kinh tế di sản là xu thế và là con đường được nhiều quốc gia lựa chọn, trong đó có Việt Nam, nhằm hướng đến phát triển nền kinh tế xanh, bền vững, bao trùm. Thời gian tới, để phát triển kinh tế di sản tương xứng với tiềm năng, thế mạnh hiện có, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ, toàn diện về kinh tế di sản.

Đây là loại hình kinh tế mới dựa trên nguồn vốn di sản và nguồn nhân lực từ cộng đồng. Phát triển kinh tế di sản cần được xem là một

trụ cột trong phát triển bền vững. Trong bối cảnh nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, ngày càng suy giảm do khai thác phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, việc khai thác hợp lý nguồn vốn di sản gắn với phát triển du lịch, dịch vụ nhằm tạo ra giá trị và lợi nhuận kinh tế không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là hướng đi lâu dài, tất yếu đối với Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về kinh tế di sản.

Là một loại hình kinh tế, kinh tế di sản cần được nhìn nhận, đối xử tôn trọng và được đặt vào vị trí tương xứng với các loại hình, lĩnh vực kinh tế khác. Kinh tế di sản là một loại hình kinh tế đặc thù, trong đó nguồn vốn, nguồn nguyên liệu đầu vào là di sản. Vì thế, trong xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật cần có những cơ chế ưu đãi về thuế, lệ phí, tạo điều kiện thuận lợi để các cá nhân, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp tham gia đầu tư, mở rộng quy mô, khai thác và phát huy hiệu quả nhất lợi ích, giá trị của kinh tế di sản. Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành cần xây dựng bộ tiêu chí đo lường, đánh giá hiệu quả của kinh tế di sản, làm cơ sở cho việc định hướng chính sách, đồng thời hình thành và phát triển thị trường tiêu dùng sản phẩm kinh tế di sản theo hướng ổn định và bền vững.

Thứ ba, tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

Di sản là tài sản vô giá do các thế hệ đi trước để lại. Trải qua sự khắc nghiệt của điều kiện thời tiết, thời gian, di sản luôn đứng trước nguy cơ xuống cấp, mai một, thậm chí biến mất. Vì vậy, để bảo tồn, phát huy giá trị di sản, nhất là di sản văn hóa phi vật thể, các di sản cần được bảo vệ khẩn cấp, và di sản thuộc cộng đồng các dân tộc thiểu số, Nhà nước cần bố trí nguồn ngân sách tương xứng, ưu tiên phân bổ thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm phục vụ công tác trùng tu, tôn tạo, phục dựng,

tái hiện và số hóa di sản. Thường xuyên tổ chức các lớp truyền dạy về di sản; tôn vinh nghệ nhân nhân dân; khuyến khích sự tham gia của thế hệ trẻ trong việc kế thừa, gìn giữ và bảo tồn vốn văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thứ tư, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế di sản.

Để phát huy nguồn lực di sản văn hóa, cần sự phối hợp của các cơ quan, bộ, ngành, chính quyền địa phương, nhất là ngành văn hóa, trong việc sưu tầm, kiểm kê, đánh giá trữ lượng nguồn tài nguyên di sản, có các giải pháp phù hợp để “đánh thức” nguồn lực tiềm năng này.

Phát triển kinh tế di sản thông qua du lịch và đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, nghệ thuật biểu diễn trên nền tảng di sản đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với chất lượng nguồn nhân lực. Vì thế, cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa và nguồn nhân lực chuyên sâu, có kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ về kinh tế sáng tạo, kinh tế di sản. Trên cơ sở đó, thúc đẩy đa dạng hóa sản phẩm và loại hình dịch vụ, làm mới và gia tăng giá trị của di sản bằng tinh thần đổi mới, sáng tạo, với những cách làm linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện vùng, miền, bản sắc văn hóa tộc người, qua đó đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu và thị hiếu của công chúng.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế.

Là quốc gia đi sau trong lĩnh vực kinh tế di sản, Việt Nam cần chủ động mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm tiếp thu kinh nghiệm, mô hình và phương thức quản lý tiên tiến, qua đó khai thác và phát huy giá trị di sản một cách tối ưu và hiệu quả.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển của internet,

sự ra đời của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, các bộ, ngành, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư cần quan tâm ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ, như: Công nghệ số (số hóa 3D, trình chiếu 3D mapping, không gian số 3D), thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR, đặt biệt là AR trên hiện vật/tranh), và AI (AI hỗ trợ quản lý, phân tích), nhằm làm mới trải nghiệm của công chúng, nâng cao hiệu quả quản lý và lan tỏa giá trị di sản một cách hấp dẫn, bền vững.

Phát triển kinh tế di sản cần đảm bảo sự hài hòa giữa các nguyên tắc bảo tồn, phát triển và phát huy; tránh tình trạng thương mại hóa di sản hoặc hy sinh di sản cho mục đích kinh tế, lợi nhuận. Kinh tế di sản phải được đặt trong mối tương quan hài hòa với các loại hình kinh tế khác, gắn kinh tế di sản với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên sinh thái, phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của cộng đồng.

Đồng thời, cần huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp thông qua các mô hình, phương thức đối tác công tư, cũng như

các dự án hợp tác đầu tư giữa Nhà nước, cộng đồng và khu vực tư nhân, bảo đảm cùng hưởng lợi từ khai thác, phát huy tài nguyên di sản. Việc phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam cần được triển khai theo lộ trình thận trọng, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào một số mô hình và địa phương có nhiều tiềm năng, lợi thế, từ đó nhân rộng ra các địa phương khác.

Để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số, hướng tới mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội như quyết tâm của Đảng, Nhà nước cần phát huy mạnh mẽ sức mạnh của mọi nguồn lực, trong đó có nguồn tài nguyên di sản văn hóa. Phát triển kinh tế di sản là quan điểm, chủ trương mới của Đảng và cần được cụ thể hóa bằng những chính sách, hành động cụ thể để phát huy mạnh mẽ nguồn vốn đặc biệt quan trọng này, qua đó tạo nền tảng để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), *Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Lists/ChiDaoDieuHanH/Attachments/3590/3.%20Bao%20cao%20tong%20ke%20thi%20hanh%20Luat%20Di%20san%20van%20hoa.pdf>
2. Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2025), *Di sản Văn hóa Việt Nam: Nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước*, <https://bvhttdl.gov.vn/di-san-van-hoa-viet-nam-nen-tang-cho-su-phat-trien-ben-vung-cua-dat-nuoc-20251120151820931.htm>
3. Dương Văn Sáu (2023), *Những vấn đề lý luận về phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Đại học Hạ Long, số 10.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Báo Điện tử Chính phủ, <https://xdfs.cdnchinhphu.vn/446259493575335936/2026/2/6/bao-cao-ctri-17703880212842123567259-17703933605411372590556.pdf>, tr.27.
5. Ngọc Bích (2025), *Du lịch tăng trưởng mạnh, Việt Nam đón hơn 19 triệu lượt khách quốc tế*, báo Tin tức, <https://baotintuc.vn/du-lich/du-lich-tang-truong-manh-viet-nam-don-hon-19-trieu-luat-khach-quoc-te-20251208104645436.htm>

6. Nguyễn Hồng Diên (2024), *Kinh tế di sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/1030102/kinh-te-di-san-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te-cua-viet-nam-hien-nay.aspx>
7. Nguyễn Xuân Thắng (2025), *Phát triển kinh tế di sản - con đường hiện thực hóa mục tiêu kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển*, <https://hcma.vn/phat-trien-kinh-te-di-san--con-duong-hien-thuc-hoa-muc-tieu-ket-hop-hai-hoa-giua-bao-ton-va-phat-trien-19671.htm>
8. Quang Minh, Nguyễn Phương & Hoàng Phương (2025), *Gợi ý về mô hình kinh tế di sản*, Nhân Dân, <https://nhandan.vn/goi-y-ve-mo-hinh-kinh-te-di-san-post860445.html>



GIỚI THIỆU SÁCH

XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP: CÁCH TIẾP CẬN MỚI CHO TĂNG TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN VÀ TIẾN BỘ XÃ HỘI

TÁC GIẢ: JOSEPH E.STIGLITZ, BRUCE C.GREENWALD

Biên dịch và hiệu đính: Đỗ Đức Thọ, Nguyễn Thị Lan Anh, Dương Bá Đoàn, Phan Thu Hoài

Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật

Năm xuất bản: 2025

Số trang: 501

Vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đã tạo ra những tiền đề quan trọng để nền kinh tế công nghiệp trên thế giới dần chuyển sang nền kinh tế tri thức. Sự bùng nổ thông tin và việc xuất hiện những tri thức mới, công nghệ mới cho thấy những kiến thức được tiếp thu trước đây không thể sử dụng suốt đời, học vấn đã có cũng không còn đáp ứng đầy đủ những yêu cầu mới của thực tiễn. Vì vậy, xây dựng xã hội học tập vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là yêu cầu chiến lược, mang tính cơ bản và lâu dài của nền giáo dục nước ta. Xây dựng xã hội học tập quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá trình phát triển nền kinh tế Việt Nam thành nền kinh tế tri thức, đưa dân tộc Việt Nam trở thành một dân tộc thông thái như Bác Hồ hằng mong muốn.

Nội dung cuốn sách *Xây dựng xã hội học tập: Cách tiếp cận mới cho tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội* gồm hai phần. Phần thứ nhất gồm 8 chương nêu bật tầm quan trọng của việc học tập; phân tích cách các doanh nghiệp học tập và phát minh; xem xét tác động của cấu trúc thị trường - nơi các doanh nghiệp đang hoạt động - đối với năng lực học tập và sáng tạo của doanh nghiệp; đồng thời đánh giá phúc lợi và trạng thái ổn định của toàn bộ nền kinh tế. Phần thứ hai gồm 6 chương bàn về các giải pháp xây dựng xã hội học tập. Các tác giả đưa ra các chính sách ở nhiều lĩnh vực để xây dựng thành công một xã hội học tập năng động từ các chính sách phát triển ngành, chính sách về tài chính, chính sách vĩ mô cho đến các chính sách về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển đổi xã hội ■

KIM ANH giới thiệu